

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 04/2004/QĐ-BNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 19/8/1991;

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Chỉ thị số 286/TTg ngày 02/5/1997, của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 245/TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ và thay thế Quyết định số 02/1999/QĐ-BNN-PTLN ngày 05/01/1999, bổ sung khoản 3 điều 15 Quyết định số 69/2001/QĐ-BNN-KL ngày 26/6/2001 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chỉ thị số 15/LS-CNR ngày 19/7/1989, Chỉ thị số 03/LS-CNR ngày 08/02//994 của Bộ Lâm nghiệp.

Những quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện, Trường có liên quan, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Giám đốc Tổng công ty, Công ty, Doanh nghiệp và các chủ rừng có hoạt động khai thác gỗ và lâm sản khác chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

QUY CHẾ

KHAI THÁC GỖ VÀ LÂM SẢN KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 02 tháng 2 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh.

1. Đối tượng áp dụng: Việc thiết kế khai thác và khai thác gỗ, lâm sản khác chỉ được tiến hành đối với các khu rừng đã có chủ được pháp luật thừa nhận, bao gồm:

a - Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là chủ rừng) được Nhà nước giao rừng, đất rừng để trồng, quản lý bảo vệ và sản xuất kinh doanh có hoạt động khai thác gỗ và lâm sản khác.

b - Đối với những khu rừng chưa có chủ, do chính quyền địa phương sở tại quản lý, không nằm trong đối tượng khai thác gỗ, chỉ được phép tận thu cây ngã đổ, tận dụng cây chết để sử dụng và được khai thác lâm sản ngoài gỗ.

2. Phạm vi điều chỉnh

a. Quy chế này quy định về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực điều chế rừng, thiết kế khai thác, khai thác gỗ và lâm sản khác ở rừng tự nhiên, rừng trồng thuộc các khu rừng sản xuất và rừng phòng hộ; tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản khác trên các loại đất lâm nghiệp và đất khác.

b. Mọi đối tượng thuộc các khu rừng đặc dụng không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chế này.

Điều 2: Giải thích từ ngữ.

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Luân kỳ khai thác: Khoảng thời gian giữa 2 lần khai thác chọn kế tiếp nhau.
2. Rừng thuần loài: Rừng tổ thành chỉ có một loài cây hoặc tổ thành 1 loài cây chiếm trên 90% trữ lượng rừng.
3. Rừng hỗn loài khác tuổi: Rừng có nhiều loài cây ở nhiều cấp tuổi khác nhau.
4. Tuổi thành thực công nghệ: Tuổi cho sản phẩm phù hợp với mục đích kinh doanh.
5. Chặt bài thải: Chặt những cây cong queo, sâu bệnh, cây phẩm mục đích kinh chất xấu.
6. Cây đổ vỡ: Cây không có dấu búa bài cây nhưng bị đổ, gãy trong quá trình khai thác chính.
7. Phát luống rừng: Phát dây leo, cây bụi trước khi khai thác.
8. Vệ sinh rừng: Bấm dập cành, ngọn, xử lý cây chống chày, cây đổ gãy sau khai thác
9. Địa danh khai thác: Tên của lô, khoảnh, tiểu khu được đưa vào khai thác.
10. Lóng gỗ (khúc, đoạn): Một phần gỗ tròn được cắt ra từ cây gỗ theo hai mặt cắt ngang.
11. Gỗ khô lục, lóc lõi: Gỗ chết đã bị khô, mục hoặc còn lại phần lõi của cây.
12. Khai thác chính: Chặt hạ những cây được phép khai thác theo quyết định mở rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
13. Khai thác tận dụng: Chặt hạ những cây gỗ đứng nhưng không phải đối tượng khai thác chính.
14. Tận thu: Công việc thu gom các cây gỗ nằm, cành, ngọn, gốc, rễ.

Điều 3. Những quy định khác.

1. Các khu rừng chưa đến kỳ khai thác và rừng trồng thuộc rừng phòng hộ, đặc dụng được tiến hành chặt nuôi dưỡng, tỉa thưa; các khu rừng được tuyển chọn chuyển hoá thành rừng giống thì phải thực hiện theo các quy định trong quy phạm các giải

pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa (QPN14-92) và quy phạm xây dựng rừng giống chuyển hoá (QPN16-93).

2. Việc tĩa thừa, tận dụng gỗ, lâm sản phải tuân thủ theo các quy trình, quy phạm kỹ thuật, phương án điều chế rừng hoặc luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nghiêm cấm việc lợi dụng chặt nuôi dưỡng, làm giàu rừng để khai thác gỗ.

Chương II

XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHẾ RỪNG

Điều 4. Mục đích xây dựng phương án điều chế rừng.

1. Xây dựng một phương án tổ chức rừng nhằm đảm bảo được nguyên tắc cao nhất là sản xuất lâu dài, liên tục với năng suất cao, trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên ổn định phát triển vốn rừng, bảo đảm khả năng cung cấp và phòng hộ của rừng.

2. Xây dựng được một kế hoạch tác nghiệp cụ thể chỉ rõ thời gian và các biện pháp kỹ thuật thích hợp cho từng khoảnh, tiểu khu rừng trong 1 luân kỳ và cụ thể hoá cho giai đoạn 5 năm để tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hành và thực thi.

Điều 5. Đối tượng rừng đưa vào điều chế.

Là rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất và rừng phòng hộ đã được cấp có thẩm quyền giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để sản xuất kinh doanh theo quy định của Luật pháp.

Rừng của hộ gia đình, cá nhân được giao để quản lý, bảo vệ và được hưởng lợi theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp (gọi tắt là Quyết định 178) thì không cần xây dựng phương án điều chế.

Việc xây dựng phương án điều chế rừng do các đơn vị điều tra thiết kế quy định tại khoản 1 điều 13 thực hiện.

Điều 6. Các tài liệu cần thiết để xây dựng phương án.

1. Bản đồ của lâm trường, trong bản đồ phải thể hiện được vị trí địa lý, ranh giới hành chính, hệ thống đường xá, sông suối chính, hiện trạng rừng và đất rừng của

chủ rừng.

2. Quyết định phê duyệt phương án quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh.

3. Quyết định thành lập lâm trường, xí nghiệp, công ty hoặc các tổ chức (nếu có).

4. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn

5. Các số liệu về hiện trạng tài nguyên rừng đã được cấp có thẩm quyền công bố trong thời điểm xây dựng phương án.

Điều 7. Điều tra ngoại nghiệp.

1. Xác định, điều chỉnh ranh giới lâm phần, tiểu khu đảm bảo phù hợp giữa bản đồ và thực địa.

2. Xác định diện tích, trữ lượng, trạng thái rừng cho từng khoảnh, tiểu khu.

Phục tra tài nguyên rừng của các khoảnh, tiểu khu dự kiến đưa vào khai thác trong giai đoạn 5 năm đầu theo quy định tại các quy trình điều tra rừng hiện hành.

3. Xác định địa danh khai thác, trồng rừng và thực hiện các biện pháp lâm sinh trong giai đoạn 5 năm.

Điều 8. Nội dung phương án điều chế.

1. Những đặc điểm cơ bản của đơn vị

a. Vị trí địa lý, đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trong phạm vi đơn vị.

b. Hiện trạng đất đai tài nguyên (số hiệu tiểu khu, diện tích tự nhiên, diện tích các loại trạng thái rừng, diện tích không có rừng).

2. Xác định phương thức khai thác và các tiểu khu rừng đưa vào khai thác trong 1 luân kỳ theo từng giai đoạn 5 năm.

3. Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh từng năm của đơn vị trong 5 năm đầu, bao gồm:

a. Khai thác gỗ:

Đối tượng rừng được hoạch định khai thác: rừng giàu, trung bình.

Địa danh khai thác: Theo đơn vị khoảnh, tiểu khu

Sản lượng khai thác: được xác định thông qua các chỉ tiêu: